TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:186/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10//2019.
V/v : " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Dương Minh Ngọc**.

+ Bà **Trần Thị Long.**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 15/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2019, về "*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Lê Quang H, sinh năm: 1992, trú tại: Ấp T1, xã T, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.
- **Bị đơn**: Chị Trần Thị Thu V, sinh năm: 1995, trú tại: Thôn S, xã Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn**: Ông Ngô Thanh T – Luật sư Văn phòng Luật sư Thanh Thiên – Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

Anh H xin vắng mặt, chị V, ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2019 và bản tự khai, nguyên đơn anh H trình bày:

- Anh H và chị V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tân, Huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Trong thời gian chung sống, vợ chồng nhiều lần phát sinh

mâu thuẫn và đã được cha mẹ đôi bên hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2014 đến nay, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, chị V bỏ về quê ở xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam sinh sống cho đến nay, để con lại cho anh H nuôi dưỡng. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng phần ai nấy sống nên anh H làm đơn yêu ầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

- Về con chung: Có một con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 09/9/2012. Nếu ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn chị V trình bày:

- Về điều kiện và thời gian kết hôn chị V đồng ý như anh H khai. Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vả nhau. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng phần ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh H làm đơn ly hôn, tỉnh cảm vợ chồng không còn, chị V đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 09/9/2012. Chị V thống nhất giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Quang H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Như vậy quan hệ hôn nhân anh H và chị V là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2014, do không khắc phục được mâu thuẫn, chị V về nhà mẹ đẻ ở xã Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam sinh sống, giao con cho anh H ở xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng phần ai nấy sống, không ai quan tâm

chăm sóc cho ai. Do tình cảm vợ chồng đã hết, anh Huy làm đơn yêu cầu ly hôn chị V.

[3 Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên quay về đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị V cương quyết ly hôn nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành giải được. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị V và anh H nếu có kéo dài cũng không đạt được mục đích, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Do vậy chấp nhận yêu cầu anh H, cho ly hôn giữa anh H và chị V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị V có một con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 09/9/2012. Anh H có yêu cầu nuôi con, chị V thống nhất, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho con. Cháu Ý có nguyện vọng được ở với anh H; mặc khác từ năm 2014 đến nay anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ý; do vậy xét giao cháu Ý cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H không yêu cầu nên chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

[8] Án phí HNGĐ sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Lê Quang H và chị Trần Thị Thu V.

2. Về con chung: giao cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 09/9/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ý thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Lê Quang H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004392 ngày 20/8/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết chị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đình Dũng

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã T, Mỏ Cày Bắc, Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, án văn.